

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cửa Đạt , phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

Thời gian: Đợt 1 (tháng 1/2020)

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Thượng lưu hồ Cửa Đạt, Thượng lưu cầu máng Phùng Giáo, Thượng lưu cống điều tiết Kiên Thọ, Thượng lưu cụm đầu mối đập Bái Thượng, Cống xả Mục Sơn, Thượng lưu đập điều tiết Bàn Thạch, Thượng lưu đập điều tiết Bột Thượng, Thượng lưu xi phông Bình Trị, Thượng lưu đập điều tiết Phong Lạc, Thượng lưu đập điều tiết Quy Xá, Thượng lưu đập điều tiết Lộc Giang, Thượng lưu xi phông Mật Sơn, Thượng lưu đập điều tiết Chợ Nhàng, Thượng lưu đập điều tiết Đại Lý, Thượng lưu cống điều tiết Phúc Như, Thượng lưu xi phông Đô Xá, Thượng lưu đập điều tiết Phương Khê, Thượng lưu đập điều tiết Cổ Định, Thượng lưu xi phông Nguyễn Thôn.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Thượng lưu đập điều tiết Quảng Minh, Thượng lưu đập điều tiết Đồng Lạc.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt các giới hạn trên.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Thượng lưu xi phông sông Lý.**

Chi tiết thể hiện trong bảng sau:

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Thượng lưu hồ Cửa Đạt	Trời mưa phùn, lạnh, t° = 16°C, độ ẩm 95%, gió Bắc 10 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, đập đóng không xả nước về hạ lưu. Nước về hạ lưu lấy qua tuabin thủy điện Cửa Đạt. Môi trường lòng hồ sạch.	Nước màu xanh trong.	7.05	1.5	7.2	0.1	0.023	0.059	59	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
2	2	Thượng lưu cầu máng Phùng Giáo	Trời mưa phùn, t° = 17°C, độ ẩm 90%, gió BDB 6 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy nhanh, mực nước cao. Trên kênh sạch.	Nước màu xanh trong.	6.97	2.7	7.5	0.1	0.039	0.158	67	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
3	3	Thượng lưu công điều tiết Kiên Thọ	Trời mưa phùn, t° = 17°C, độ ẩm 90%, gió BDB 6 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy nhanh, mực nước cao, đập mở. Trên kênh sạch.	Nước màu xanh trong.	6.89	3.4	7.32	0.1	0.070	0.099	70	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												sinh.
4	4	Thượng lưu cụm đầu mối đập Bái Thượng	Trời mưa phùn, t° = 17°C, độ ẩm 95%, gió Bắc 6 km/h, mật độ mây 96%. Dòng chảy chậm. Nước không tràn qua đập Bái Thượng. Công mở lấy nước vào hệ thống Bái Thượng. Phía hạ lưu công hai bên bờ kênh chính có rác thải. Dưới kênh có rác trôi nổi do người dân vứt xuống.	Nước màu xanh trong.	6.98	2	7.1	0.1	0.039	0.092	57	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
5	5	Công xả Mực Sơn	Trời mưa phùn, t° = 17°C, độ ẩm 90%, gió Bắc 8 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy nhanh, công mở. Trên kênh sạch.	Nước màu xanh trong.	6.77	5.6	6.56	0.1	0.078	0.068	73	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
6	6	Thượng lưu đập điều tiết Bàn Thạch	Trời mưa phùn, t° = 18°C, độ ẩm 97%, gió ĐB 10 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy nhanh, mực nước cao. Trên kênh sạch. Đập mở đưa nước về hạ lưu.	Nước màu xanh trong.	6.82	4.2	6.37	0.1	0.093	0.068	73	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động,</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thực vật thủy sinh.
7	7	Thượng lưu đập điều tiết Bột Thượng	Trời mưa phùn, t° = 17°C, độ ẩm 95%, gió BĐB 10 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy nhanh, đập mở, nước về hạ lưu. Trên kênh sạch.	Nước màu xanh.	6.88	5.4	6.42	0.1	0.109	0.086	73	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Thượng lưu xi phong Bình Trị	Trời mưa phùn, t° = 17°C, độ ẩm 94%, gió BĐB 8 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy nhanh. Mực nước trung bình. Trên kênh sạch. Nước qua xi phong về hạ lưu.		7.11	5.3	6.53	0.1	0.186	0.151	78	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	9	Thượng lưu đập điều tiết Phong Lạc	Trời mưa phùn, t° = 18°C, độ ẩm 98%, gió ĐB 11 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy nhanh, mực nước cao. Đập mở lấy nước về hạ lưu. Trên kênh sạch.	Nước màu xanh.	6.9	5.7	6.52	0.1	0.085	0.083	71	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động,

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thực vật thủy sinh.
10	10	Thượng lưu đập điều tiết Quy Xá	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 79%, gió ĐN 18 km/h, mật độ mây 92%. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước cao. Đập mở lấy nước về hạ lưu. Nước sạch.	Nước màu xanh.	7.05	6.1	7.2	0.1	0.155	0.104	75	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Thượng lưu đập điều tiết Lộc Giang	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 76%, gió ĐN 16 km/h, mật độ mây 82%. Dòng chảy chậm, đập mở. Trên thượng lưu kênh có rác thải. Mực nước cao.	Nước màu xanh.	7.02	5.6	7.18	0.1	0.132	0.054	71	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Thượng lưu xi phong Mật Sơn	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 76%, gió Nam 12 km/h, mật độ mây 80%. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước cao. Thượng lưu xi phong có rác thải.	Nước màu xanh.	7.06	5.8	6.81	0.1	0.148	0.068	80	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động,

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thực vật thủy sinh.
13	13	Thượng lưu đập điều tiết Chợ Nhàng	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 77%, gió NĐN 15 km/h, mật độ mây 82%. Dòng chảy chậm. Đập mở hé, nước qua đập về hạ lưu. Thượng lưu đập, dưới chân đập nhiều rác thải dôn ú.	Nước màu xanh.	7.22	5.6	6.45	0.1	0.186	0.432	84	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Thượng lưu đập điều tiết Quảng Minh	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 77%, gió NĐN 14 km/h, mật độ mây 80%. Dòng chảy rất chậm về hạ lưu. Đập mở thông 2 cánh. Thượng lưu đập có rác thải dôn ú. Mực nước trung bình.	Nước màu xanh.	6.91	7.2	5.74	0.1	0.179	0.268	111	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Thượng lưu đập điều tiết Đại Lý	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 80%, gió ĐN 15 km/h, mật độ mây 90%. Không có dòng chảy, mực nước thấp. kênh cạn, lòng kênh có nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	6.61	16.3	3.64	0.1	0.272	0.322	161	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
16	16	Thượng lưu đập điều tiết Đồng Lạc	Trời lạnh, t° = 20°C, độ ẩm 92%, gió ĐN 20 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Đập mở lấy nước về hạ lưu. Dưới kênh có rác thải.	Nước màu xanh lục.	6.75	12.6	5.6	0.1	0.155	0.353	87	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
17	17	Thượng lưu xi phong sông Lý	Trời nhiều mây, t° = 20°C, độ ẩm 80%, gió ĐN 15 km/h, mật độ mây 92%. Dòng chảy nhanh, mực nước cao. Kênh sạch, rác thải đã được vớt hết.	Nước màu xanh.	7.12	8.3	7.28	0.1	0.140	0.083	72	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
18	18	Thượng lưu cống điều tiết Phúc	Trời mưa phùn, t° = 18°C, độ ẩm 98%, gió ĐB 11 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy nhanh. Mực nước cao. Trên kênh sạch. Đập mở.	Nước màu xanh.	6.89	5	7.09	0.1	0.085	0.074	76	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
		Như										bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
19	19	Thượng lưu xi phong Đô Xá	Trời lạnh, t° = 17°C, độ ẩm 97%, gió ĐB 8 km/h, mật độ mây 96%. Dòng chảy chậm. Mực nước cao qua xi phong về hạ lưu. Kênh sạch.	Nước màu xanh.	7.16	6.8	7.1	0.1	0.109	0.196	78	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
20	20	Thượng lưu đập điều tiết Phương Khê	Trời nhiều mây, t° = 20°C, độ ẩm 82%, gió ĐN 20 km/h, mật độ mây 92%. Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở lấy nước về hạ lưu. Sông sạch, mực nước cao.	Nước màu xanh.	7.05	6.2	7.15	0.1	0.155	0.245	80	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
21	21	Thượng lưu đập điều tiết Cổ Định	Trời nhiều mây, t° = 20°C, độ ẩm 85%, gió NĐN 17 km/h, mật độ mây 87%. Dòng chảy chậm, mực nước cao, đập mở. Kênh sạch.	Nước xanh trong.	7.36	10.6	6.52	0.1	0.117	0.236	87	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
												Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.
22	22	Thượng lưu xi phông Nhuyễn Thôn	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 88%, gió ĐN 18 km/h, mật độ mây 90%. Dòng chảy chậm. Nước qua xi phông về hạ lưu. Kênh sạch, mực nước trung bình.	Nước màu xanh trong.	7.3	5.5	6.73	0.1	0.140	0.077	76	Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.